

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/DS-PT

Ngày: 07-8-2018

*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
buộc đực, cắt vật, công trình kiến trúc
xây dựng trên đất tranh chấp*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình.

Các Thẩm phán: Ông Phan Tiến Dũng

Ông Nguyễn Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc đực, cắt vật, công trình kiến trúc xây dựng trên đất tranh chấp*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà T có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ H và bà Võ Thị T1; cùng địa chỉ: Đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Võ Phi Sơn V; địa chỉ: Đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền ngày 19-5-2014). Anh V có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc T2; địa chỉ: Đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông Thanh có mặt.

- Anh Nguyễn Thế V; địa chỉ: Đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Anh Nguyễn Ngọc Q; địa chỉ: Đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Anh Nguyễn Thế V và anh Nguyễn Ngọc Q ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng (Theo các văn bản ủy quyền đề ngày 7-4-2018).

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Võ Phi Sơn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1994, bà được cha mẹ bà cho một lô đất tại thôn 8, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai). Năm 2001 bà được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà số T 244652 ngày 03-5-2001 thuộc tờ bản đồ 06, thửa số 451a, diện tích 192,5m²; đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Đ có chiều dài có chiều dài 27,5m, phía Tây giáp đất ông H có chiều dài 27,5m, phía Nam giáp đường N chiều dài 7m, phía Bắc giáp Công ty Đ chiều dài 7m. Ranh giới phía Tây tiếp giáp nhà ông Võ H là một đường thẳng thể hiện trên bản đồ. Trong năm 1994, bà xây móng và hàng rào cao bốn hàng gạch trước là để ngăn đất nhà ông Võ H (cạnh nhà bà) tràn xuống và làm ranh giới hai nhà. Khi xây móng và hàng rào đến đoạn giữa thì nhà ông H đang trồng chuối và đu đủ mọc lượn sang đất nhà bà. Vì tình làng nghĩa xóm nên bà xây móng thẳng nhưng xây hàng rào lượn qua để tránh cây đu đủ và cây chuối để cho gia đình ông H thu hoạch vì thời điểm này kinh tế ai cũng khó khăn.

Năm 2013, bà có nhu cầu xây dựng làm mái hiên che nắng và đồng thời làm hàng rào thẳng lại. Ngày 24-12-2013 bà làm đơn xin phép làm mái hiên và hàng rào trình lên Ủy ban nhân dân phường T và được Ủy ban đồng ý cho xây dựng. Trước khi xây thì gia đình bà đã báo cho gia đình ông H nhưng khi gia đình bà làm mái hiên thì gia đình bên ông Võ H cho rằng gia đình bà lấn chiếm đất.

Ngày 29-12-2013, hai bên gia đình đã bàn bạc và đi đến thống nhất về việc xây hàng rào và mái hiên, ông Võ H và bà đã đóng đinh, kéo thẳng dây theo như đã thống nhất. Trong quá trình kéo dây thì ông Võ H công nhận một phần diện tích xây dựng của gia đình ông đã được xây dựng trên đất của gia đình bà. Tuy nhiên, gia đình ông Võ H lại có thái độ phản đối sự thỏa thuận ông Võ H đã ký.

Ngày 21-1-2014 và ngày 14-3-2014, cán bộ địa chính phường T và công an phường T xuống kiểm tra đo đạc diện tích 2 bên nhưng cũng không đo đạc hết các chiều của lô đất mà chiều rộng phía sau do chính ông H ghi là 11,9m.

Quá trình giải quyết tại Ủy ban nhân dân phường T thì ông Võ H trốn tránh không làm việc cùng với bà, nên công tác hòa giải không đi đến thống nhất và chưa có kết quả thì ngày 01-4-2014 ông H tiến hành đào móng xây dựng bấp sát phía

hàng rào đang tranh chấp. Ngày 04-4-2014 khi hòa giải tại phường T thì ông H, bà T1 đều cho rằng là gia đình bà lấn chiếm đất của họ và đề nghị bà xây dựng hàng rào cong như cũ.

Không chấp nhận sự việc vô lý như trên nên bà khởi kiện tại Tòa án giải quyết vụ việc tranh chấp, bà yêu cầu cụ thể như sau:

Buộc ông Võ H và bà Võ Thị T1 trả lại hiện trạng đất thẳng, hàng rào thẳng cho gia đình bà theo móng hàng rào đã xây năm 1994, diện tích 0,71 m²; buộc đục gột trụ xây bằng gạch cao 3,7m, chiều rộng 0,04m; buộc cắt phần sân ô đã đổ bê tông lấn chiếm phần trên không chiều dài 6,61m, chiều rộng 0,03m; cắt phần mái che (mái hiên sắt lợp tôn) lấn chiếm phần trên không chiều dài 1m, chiều rộng 0,04m.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà rút yêu cầu cắt bỏ cành xoài đã trồng vươn sang nhà dài 0,8m, đồng thời bà chấp nhận kết quả xem xét thẩm định tại chỗ mà Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ vào các ngày 10-12-2014 và ngày 01-9-2015.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Võ Phi Sơn V trình bày:

Anh thay mặt cha mẹ anh là Võ H và Võ Thị T1 không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị T vì nội dung khởi kiện là không có cơ sở do những lý do sau:

Lô đất tại đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai gia đình ông sử dụng ổn định lâu dài ổn định từ năm 1990 đến nay. Nguồn gốc lô đất của bà Nguyễn Thị T đang sử dụng trước đây là của ông Đ (cha của bà T) cho bà T, hàng rào do chính ông Đ xây dựng, móng hay hàng rào đều do chính gia đình bà T xây, đến năm 1993 bà T mới được cha cho lô đất này.

Năm 1994, gia đình bà Nguyễn Thị T tự ý tháo dỡ hàng rào do ông Đ xây dựng phân định ranh giới hai nhà và xây dựng 01 hàng rào mới có móng đá và tường gạch cao 40cm, trên có kẽm gai mà không thông báo cho gia đình ông biết. Tuy nhiên gia đình ông cũng chấp nhận ổn định như thế không nói qua nói lại.

Năm 2013, gia đình bà Nguyễn Thị T có nhu cầu xây dựng hàng rào mới, bà T tự ý tháo dỡ hàng rào xây dựng từ năm 1994 này và cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất của gia đình bà và buộc gia đình ông căng dây đo lại đất cho thẳng để bà T xây hàng rào thẳng chứ không phải cong như từ trước đến nay vẫn sử dụng ổn định.

Trong khi trên thực tế ông T2 - chồng bà T khi xây phần móng đã lấn sang đất gia đình anh kích thước chiều rộng 10cm, dài 30m.

Việc cha anh là ông Võ H có đập một phần trụ theo ý gia đình bà T do muốn giữ tình làng nghĩa xóm và đồng thời muốn tạo điều kiện cho bà T xây dựng hàng rào.

Khi gia đình ông xây nhà có sự chứng kiến của gia đình bà T, khi thợ đổ bê tông nếu thấy lấn khoảng trên không của gia đình bà T thì bà phải có ý kiến nhưng bà vẫn để gia đình anh xây dựng ở ổn định và không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt chung của gia đình bà T.

Đối với những yêu cầu của bà T trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, anh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ý kiến như sau:

Đối với yêu cầu của bà T rút yêu cầu cất bỏ cành xoài đã trồng vươn sang nhà bà T dài 0,8m, anh đồng ý và không có ý kiến nào khác. Anh chấp nhận kết quả xem tại chỗ mà Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ vào các ngày 10-12-2014 và ngày 01-9-2015 (trong đó có bản Trích đo địa chính thửa đất và Sơ đồ vị trí thửa đất ngày 02-12-2014).

Đối với 04 yêu cầu của bà T về việc buộc ông Võ H và bà Võ Thị T1 trả lại hiện trạng đất thẳng, hàng rào thẳng cho gia đình bà theo móng hàng rào đã xây năm 1994, với diện tích $0,71m^2$, buộc đục gột trụ xây bằng gạch cao 3,7m, chiều rộng 0,04m; buộc cất phần sênô đã đổ bê tông lán chiếm phần trên không chiều dài 6,61 m, chiều rộng 0,03m; cất phần mái che (mái hiện sắt lợp tôn), lán chiếm phần trên không chiều dài 1m, chiều rộng 0,04m thì anh không chấp nhận và yêu cầu Tòa án bác toàn bộ 04 yêu cầu khởi kiện trên của bà Nguyễn Thị T đối với cha mẹ anh là ông Võ H, bà Võ Thị T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T2, anh Nguyễn Thế V và anh Nguyễn Ngọc Q giữ nguyên ý kiến theo như yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng các Điều 255, 259, 265, 266, 305 của Bộ luật dân sự; Điều 166, 170, 171, 203 Luật đất đai năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc: Ông Võ H, bà Võ Thị T1 đục gột trụ xây bằng gạch cao 3,7m, chiều rộng 0,04m; cất phần sênô đã đổ bê tông lán chiếm phần trên không chiều dài 6,61m, chiều rộng 0,03m và cất phần mái che (mái hiện sắt lợp tôn), lán chiếm phần trên không chiều dài 1m, chiều rộng 0,04m để trả lại cho bà Nguyễn Thị T phần diện tích đất là $0,71m^2$ (hiện trạng ranh giới giữa hai vị trí thửa đất là một đường thẳng) tại đường N, tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, phần đất có hai mặt tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp đất bà T có chiều dài 7,61m;

Phía Tây giáp đất ông H, bà T1 có chiều dài 7,61m.

Về chi phí xem xét thực tế và định giá tài sản: Buộc ông Võ H, bà Võ Thị T1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T 10.547.000 đồng tiền chi phí xem xét thực tế và định giá tài sản.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chịu khoản lãi khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Võ Phi Sơn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng bác bỏ toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và yêu cầu hai bên gia đình sinh sống ổn định theo hiện trạng thửa đất đang sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự trình bày họ đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc đục, cắt vật, công trình kiến trúc xây dựng trên đất tranh chấp theo Biên bản thỏa thuận do họ tự nguyện lập ngày 1-6-2018.

- Các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc cắt, đục vật, công trình kiến trúc xây dựng trên đất tranh chấp và thống nhất thực hiện theo Biên bản thỏa thuận do họ lập ngày 1-6-2018; đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận nội dung thỏa thuận theo Biên bản trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nên họ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục xét xử về vấn đề này và quyết định theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án, mỗi bên đương sự phải chịu một nửa chi phí định giá và một nửa án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất không giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc cắt, đục vật, công trình kiến trúc xây dựng trên đất tranh chấp và thống nhất thực hiện theo Biên bản thỏa thuận do các đương sự lập ngày 1-6-2018, đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận nội dung thỏa thuận theo Biên bản trên. Biên bản này có nội dung như sau:

“Gia đình bà Nguyễn Thị T được tháo dỡ bức tường cũ do gia đình bà xây trước đây để xây dựng 1 bức tường mới làm ranh giới sử dụng đất của 2 hộ gia đình. Bức tường mới sẽ được xây dựng như sau:

- *Điểm đầu của bức tường tiếp giáp với điểm cuối cùng của bức tường đã được gia đình bà Nguyễn Thị T xây năm 2013 (móng xây năm 1994).*

- Điểm cuối của bức tường tiếp giáp với bức tường mà gia đình bà T đã xây giáp với nhà bếp của gia đình bà.

- Bức tường gia đình bà T được xây mới theo dây căng từ bức tường đã được gia đình bà Nguyễn Thị T xây năm 2013 (móng xây năm 1994) đến bức tường tiếp giáp với bức tường mà gia đình bà T đã xây giáp với nhà bếp của gia đình bà.

- Mép ngoài cùng bức tường gia đình bà T được xây mới giáp với trụ nhà đầu tiên (tính từ mặt đường vào) căn nhà của ông Võ H, bà Võ Thị T1 và trùng với dây căng theo phương thẳng đứng.

- Trường hợp có vật kiến trúc trên không của gia đình ông Võ H, bà Võ Thị T1 theo phương thẳng đứng của bức tường mà gia đình bà T xây dựng mới thì ông Võ H, bà Võ Thị T1 phải tự cắt bỏ (nếu có xây dựng).

- Việc xây bức tường mới phải được gia đình bà T thực hiện ngay trong ngày 1-6-2018”.

Thấy rằng, sự thỏa thuận nêu trên giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

[2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án việc Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là cần thiết để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án và đã đi đến sự thỏa thuận thống nhất giữa 2 bên đương sự về việc giải quyết nội dung tranh chấp theo Biên bản thỏa thuận lập ngày 1-6-2018 nêu trên. Kết quả việc giải quyết tranh chấp giữa 2 bên là công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự; do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ buộc mỗi bên phải chịu một nửa chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm là 10.547.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.547.000 đồng; do đó, buộc ông Võ H, bà Võ Thị T1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T 5.273.500 đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn phúc thẩm là 1.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Võ Phi Sơn V đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.000.000 đồng; do đó, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho ông Võ H, bà Võ Thị T1 500.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng. Mỗi bên đương sự phải chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 41/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo Biên bản thỏa thuận lập ngày 1-6-2018 như sau:

Gia đình bà Nguyễn Thị T được tháo dỡ bức tường cũ do gia đình bà xây trước đây để xây dựng 1 bức tường mới làm ranh giới sử dụng đất của 2 hộ gia đình. Bức tường mới sẽ được xây dựng như sau:

- Điểm đầu của bức tường tiếp giáp với điểm cuối cùng của bức tường đã được gia đình bà Nguyễn Thị T xây năm 2013 (móng xây năm 1994).

- Điểm cuối của bức tường tiếp giáp với bức tường mà gia đình bà T đã xây giáp với nhà bếp của gia đình bà.

- Bức tường gia đình bà T được xây mới theo dây căng từ bức tường đã được gia đình bà Nguyễn Thị T xây năm 2013 (móng xây năm 1994) đến bức tường tiếp giáp với bức tường mà gia đình bà T đã xây giáp với nhà bếp của gia đình bà.

- Mép ngoài cùng bức tường gia đình bà T được xây mới giáp với trụ nhà đầu tiên (tính từ mặt đường vào) căn nhà của ông Võ H, bà Võ Thị T1 và trùng với dây căng theo phương thẳng đứng.

- Trường hợp có vật kiến trúc trên không của gia đình ông Võ H, bà Võ Thị T1 theo phương thẳng đứng của bức tường mà gia đình bà T xây dựng mới thì ông Võ H, bà Võ Thị T1 phải tự cất bỏ (nếu có xây dựng).

- Việc xây bức tường mới phải được gia đình bà T thực hiện ngay trong ngày 1-6-2018.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 400.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004518 ngày 16-4-2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch là 200.000 đồng.

Buộc ông Võ H, bà Võ Thị T1 phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 41/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai về phần quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm như sau:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.273.500 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm.

Ông Võ H, bà Võ Thị T1 phải chịu 5.273.500 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm là 10.547.000 đồng; do đó, buộc ông Võ H, bà Võ Thị T1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T 5.273.500 đồng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn phúc thẩm.

Ông Võ H, bà Võ Thị T1 phải chịu 500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn phúc thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Võ Phi Sơn V đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn phúc thẩm là 1.000.000 đồng; do đó, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho ông Võ H, bà Võ Thị T1 500.000 đồng.

4. Kể từ người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ H, bà Võ Thị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Võ H, bà Võ Thị T1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do người đại diện theo ủy quyền là anh Võ Phi Sơn V đã nộp theo biên lai số 0003577 ngày 21-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Bình

